

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 - 29
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1903000500 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500302820 ngày 03 tháng 7 năm 2009.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **40.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 29).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Ứng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Trọng Diên	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch và là ủy viên từ ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên	
Ông Đinh Việt Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Đức Thảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Bình Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cao Thắng	Giám đốc	
Ông Trần Quang Đình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Trần Bình Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015
Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 20/01/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Cao Thắng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú, được lập ngày 11 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Ngọc Vương

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.992.793.337	117.590.160.511
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.385.197.171	3.007.960.185
1.	Tiền	111	V.01	1.385.197.171	3.007.960.185
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.568.220.872	920.500.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		1.568.220.872	920.500.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.172.127.952	85.644.975.410
1.	Phải thu khách hàng	131		125.736.891.440	87.075.707.909
2.	Trả trước cho người bán	132		484.825.229	368.547.689
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	-	203.323.759
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2.049.588.717)	(2.002.603.947)
IV.	Hàng tồn kho	140		23.645.518.991	26.121.927.424
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	23.645.518.991	30.157.982.475
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.05	-	(4.036.055.051)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.221.728.351	1.894.797.492
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	2.221.728.351	1.894.797.492

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.587.449.717	38.656.028.391
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		31.328.264.293	36.489.082.209
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	27.007.650.752	29.468.376.362
	- Nguyên giá	222		67.358.412.302	62.890.959.967
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(40.350.761.550)	(33.422.583.605)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	2.764.492.306
	- Nguyên giá	225		-	4.210.853.364
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(1.446.361.058)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	60.000.000	-
	- Nguyên giá	228		60.000.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	4.260.613.541	4.256.213.541
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.259.185.424	2.166.946.182
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.259.185.424	1.800.565.738
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.13	-	366.380.444
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.580.243.054	156.246.188.902

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		140.233.745.462	113.422.246.068
I.	Nợ ngắn hạn	310		140.233.745.462	113.422.246.068
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	42.201.087.986	44.197.268.162
2.	Phải trả người bán	312		48.729.801.022	37.241.881.416
3.	Người mua trả tiền trước	313		37.582.452.697	9.201.878.285
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	4.449.957.348	6.946.212.669
5.	Phải trả người lao động	315		3.527.823.875	3.417.854.147
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	50.000.000	42.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	2.045.067.568	10.580.384.323
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.647.554.966	1.794.767.066
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.346.497.592	42.823.942.834
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	45.346.497.592	42.823.942.834
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.736.131.836	3.736.131.836
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.868.073.535	1.868.073.535
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3.891.707.779)	(6.414.262.537)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.580.243.054	156.246.188.902

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đỗ Thị Vân

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	169.433.687.290	87.995.264.349
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		169.433.687.290	87.995.264.349
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	151.960.702.292	79.377.926.300
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.472.984.998	8.617.338.049
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	21.490.497	3.698.415.286
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	4.243.704.511	7.192.364.374
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.182.943.661	7.192.364.374
8.	Chi phí bán hàng	24		4.124.561.523	5.695.791.496
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.861.976.628	9.845.285.002
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.264.232.833	(10.417.687.537)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	1.912.015.623	3.425.000
12.	Chi phí khác	32	VI.06	653.693.698	-
13.	Lợi nhuận khác	40		1.258.321.925	3.425.000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.522.554.758	(10.414.262.537)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.522.554.758	(10.414.262.537)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Đỗ Thị Vân

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		2.522.554.758	(10.414.262.537)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		5.854.693.265	6.110.858.496
-	Các khoản dự phòng	03		(3.989.070.281)	3.317.297.053
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(587.813.599)	(4.618.915.286)
-	Chi phí lãi vay	06		4.182.943.661	7.192.364.374
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		7.983.307.804	1.587.342.100
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(38.901.068.171)	5.902.969.457
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		6.512.463.484	(3.305.100.599)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		34.347.420.446	2.024.568.031
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		541.380.314	5.406.541.206
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(4.376.790.547)	(7.192.364.374)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.098.681.890)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		366.380.444	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(147.212.100)	(834.281.995)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.227.199.784	3.589.673.826
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(793.279.520)	(1.113.208.944)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		665.727.273	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(647.720.872)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.490.497	3.698.415.286
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(753.782.622)	2.585.206.342

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		109.991.252.802	70.507.234.944
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(111.272.591.269)	(73.283.852.374)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(714.841.709)	(1.117.684.796)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.100.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.096.180.176)	(3.894.302.226)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.622.763.014)	2.280.577.942
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.007.960.185	727.382.243
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.385.197.171	3.007.960.185

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Thị Vân

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Chi phí gia công ván khuôn;
- Chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	368.539.693	160.203.599
- Tiền gửi ngân hàng	1.016.657.478	2.847.756.586
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1.385.197.171	3.007.960.185

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Đầu tư ngắn hạn	1.568.220.872	920.500.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	1.568.220.872	920.500.000
+ Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát(*)	1.568.220.872	920.500.000
Cộng	1.568.220.872	920.500.000

(*): Là khoản Công ty cho công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát vay không tính lãi trong thời gian bên vay thực hiện đầu tư “Dự án mở đá thôn Lục Liêu”. Khi thực hiện dự án hoàn thành đi vào khai thác hai bên sẽ thống nhất lãi suất phải trả hàng kỳ.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	-	203.323.759
+ Thuế GTGT của tài sản thuế tài chính	-	63.803.831
+ Phải thu khác	-	139.519.928
Cộng	-	203.323.759

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	9.614.272.640	7.422.267.606
- Công cụ, dụng cụ	-	5.780.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.740.607.157	6.133.499.211
- Thành phẩm	11.658.554.772	15.964.351.236
- Hàng gửi đi bán	632.084.422	632.084.422
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>23.645.518.991</u>	<u>30.157.982.475</u>

05. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	-	(4.036.055.051)
Cộng	<u>-</u>	<u>(4.036.055.051)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	<u>(4.036.055.051)</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Tăng khác	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.036.055.051)
Giảm khác	-
Số cuối năm	<u>-</u>

06. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	2.221.728.351	1.894.797.492
Cộng	<u>2.221.728.351</u>	<u>1.894.797.492</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỨ
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	35.728.482.946	19.427.684.789	5.830.872.980	1.903.919.252	62.890.959.967	
- Mua trong năm	-	569.805.826	-	146.200.000	716.005.826	
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.805.090.694	2.418.636.364	-	4.223.727.058	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(364.680.549)	(60.000.000)	(47.600.000)	(472.280.549)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	
<i>Số dư cuối năm</i>	35.728.482.946	21.437.900.760	8.189.509.344	2.002.519.252	67.358.412.302	
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	13.911.910.991	13.853.233.807	4.025.863.012	1.631.575.795	33.422.583.605	
- Khấu hao trong năm	2.798.447.872	1.653.780.260	911.766.864	132.407.875	5.496.402.871	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	769.378.716	1.035.272.736	-	1.804.651.452	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(265.276.378)	(60.000.000)	(47.600.000)	(372.876.378)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	
<i>Số dư cuối năm</i>	16.710.358.863	16.011.116.403	5.912.902.612	1.716.383.670	40.350.761.550	
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	21.816.571.955	5.574.450.982	1.805.009.968	272.343.457	29.468.376.362	
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	19.018.124.083	5.426.784.355	2.276.606.732	286.135.582	27.007.650.752	

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 11.526.193.120 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.795.217.000</i>	<i>2.415.636.364</i>	<i>4.210.853.364</i>
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.795.217.000)	(2.415.636.364)	(4.210.853.364)
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>641.148.930</i>	<i>805.212.128</i>	<i>1.446.361.058</i>
- Khấu hao trong năm	128.229.786	230.060.608	358.290.394
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(769.378.716)	(1.035.272.736)	(1.804.651.452)
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.154.068.070</i>	<i>1.610.424.236</i>	<i>2.764.492.306</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Mua trong năm	60.000.000	60.000.000
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỬ
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Dự án mỏ đá thôn Lục Liêu
 Cộng

Số cuối năm

4.260.613.541

4.260.613.541

Số đầu năm

4.256.213.541

4.256.213.541

11. Đầu tư vào Công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cam kết góp vốn 100% vốn điều lệ tương đương với 3.500.000.000 đồng vào Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con.

12. Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ
 - Chi phí sửa chữa tài sản cố định
 - Chi phí gia công ván khuôn
 - Chi phí thương hiệu Vinaconex Xuân Mai
 - Chi phí khác
 Cộng

Số cuối năm

150.822.808

310.205.102

694.960.595

-

103.196.919

1.259.185.424

Số đầu năm

246.534.992

264.030.873

1.105.685.420

100.000.008

84.314.445

1.800.565.738

13. Tài sản dài hạn khác

- Ký cược, ký quỹ dài hạn
 Cộng

Số cuối năm

-

-

Số đầu năm

366.380.444

366.380.444

14. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn

- Vay ngân hàng

+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc^(a)

+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc^(b)

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc^(c)

+ Ngân hàng TMCP LienVietPost Bank - Chi nhánh Vĩnh Phúc^(d)

- Vay đối tượng khác

+ Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát

Nợ dài hạn đến hạn trả

- Vay dài hạn đến hạn trả

+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc

- Nợ thuế tài chính

+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội

Cộng

Số cuối năm

42.201.087.986

42.201.087.986

21.381.737.972

-

3.518.449.275

17.300.900.739

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

42.201.087.986

Số đầu năm

42.977.269.949

41.777.269.949

24.556.910.885

11.953.915.031

5.266.444.033

-

1.200.000.000

1.200.000.000

1.219.998.213

505.156.504

505.156.504

714.841.709

468.000.009

246.841.700

44.197.268.162

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 14/DN-ĐB/NHHM019 ngày 20/01/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE416800 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản của bên thứ ba.
- (b) Là khoản vay theo hợp đồng số 79.14.355.924402.TĐ ngày 20/01/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho (20.000.000.000 đồng) và tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai bao gồm: khoản phải thu 40.800.000.000 đồng và quyền đòi nợ số tiền 15.300.000.000 đồng.
- (c) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/362395/HĐTD ngày 03/04/2014 để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở thư tín dụng L/C (nếu có). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô Toyota Innova BKS 88K-1187, cầu trục hai dầm Q=7,5 tấn, hệ thống đường điện, hệ thống đường ray, xưởng sản xuất cấu kiện bê tông 1 và các thiết bị đi kèm của công ty tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
- (d) Là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 390.052/2014/HĐTD-LPBVP ngày 02 tháng 6 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể hoặc khế ước nhận nợ. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai bảo lãnh theo Cam kết bảo lãnh số 04/CK/BTXM-TCKT ngày 12/5/2014.

Đơn vị tính: VND

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	4.338.016.139	3.703.794.126
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.098.681.890
- Thuế thu nhập cá nhân	111.941.209	143.736.653
Cộng	4.449.957.348	6.946.212.669

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phải trả khác	50.000.000	42.000.000
Cộng	50.000.000	42.000.000

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	549.416.190	1.084.658.790
- Bảo hiểm xã hội	299.110.271	2.404.137.088
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.449.339	20.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.176.091.768	7.071.588.445
+ Vay ngắn hạn công nhân viên	-	2.989.940.336
+ Thương ban điều hành	350.000.000	350.000.000
+ Cổ tức năm 2012	-	2.100.000.000
+ Lãi vay phải trả	-	193.846.886
+ Các đối tượng khác	826.091.768	1.437.801.223
Cộng	2.045.067.568	10.580.384.323

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.634.000.000	2.640.228.796	1.403.271.251	12.942.309.891	60.619.809.938
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(10.414.262.537)	(10.414.262.537)
Tăng khác	-	-	1.095.903.040	464.802.284	-	1.560.705.324
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(8.942.309.891)	(8.942.309.891)
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.634.000.000	3.736.131.836	1.868.073.535	(6.414.262.537)	42.823.942.834
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	3.634.000.000	3.736.131.836	1.868.073.535	(6.414.262.537)	42.823.942.834
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.522.554.758	2.522.554.758
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	3.634.000.000	3.736.131.836	1.868.073.535	(3.891.707.779)	45.346.497.592

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	26.000.000.000	26.000.000.000
+ Các cổ đông khác	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	151.733.835.840	86.841.345.465
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	17.699.851.450	1.153.918.884
Cộng	169.433.687.290	87.995.264.349

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	140.137.582.825	79.377.926.300
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.859.174.518	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.036.055.051)	-
Cộng	151.960.702.292	79.377.926.300

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.490.497	15.918.611
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.682.496.675
Cộng	21.490.497	3.698.415.286

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	4.182.943.661	7.192.364.374
- Chi phí tài chính khác	60.760.850	-
Cộng	4.243.704.511	7.192.364.374

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	665.727.273	-
- Lãi chậm thanh toán	1.223.402.350	-
- Thu nhập khác	22.886.000	3.425.000
Cộng	1.912.015.623	3.425.000

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	99.404.171	-
- Lãi chậm trả	549.684.753	-
- Chi phí khác	4.604.774	-
Cộng	653.693.698	-

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.355.106.360	64.377.332.911
- Chi phí nhân công	29.427.054.952	20.183.997.183
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.854.693.265	6.110.858.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.605.577.229	2.794.203.265
- Chi phí khác bằng tiền	5.006.120.119	6.091.230.548
Cộng	155.248.551.925	99.557.622.403

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Năm Nay
Tiền lương	683.645.314
Cộng	683.645.314

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Đạo Tú - Thanh Phát	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - CN Hà Đông	Chi nhánh Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - CN Xuân Mai (nay là Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai)	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm tài chính giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV Đạo Tú - Thanh Phát</i>		
- Cho vay	647.720.872	920.500.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	139.809.769.356	65.497.488.125
- Tổng mua hàng	74.343.460.528	25.491.709.264
Trong đó:		
+ Mua hàng	73.909.636.554	25.491.709.264
+ Sử dụng dịch vụ	208.610.148	-
+ Mua tài sản cố định	225.213.826	-
- Doanh thu lãi chậm thanh toán	1.223.402.350	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	9.485.196.767
- Mua hàng	-	134.402.750
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	2.134.922.902	454.823.259
- Mua hàng	-	162.205.093

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	55.163.636
- Thuê dịch vụ	409.090.909	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai -		
Chi nhánh Xuân Mai (nay là Công ty TNHH		
MTV Bê tông Xuân Mai)		
- Tổng bán hàng	282.092.474	-
Trong đó:		
+ Bán hàng	910.656	-
+ Thanh lý tài sản cố định	281.181.818	-
- Tổng mua hàng	390.775.363	518.830.380
Trong đó:		
+ Mua nguyên vật liệu	360.775.363	518.830.380
+ Mua tài sản	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai		
- Doanh thu bán thành phẩm	302.562.764	104.390.400
- Thuê dịch vụ	655.150.942	872.794.313
- Chi phí lãi trả chậm	36.864.365	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Đạo Tú - Thanh Phát		
+ Đầu tư ngắn hạn khác	1.568.220.872	920.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai		
+ Phải thu khách hàng	121.699.696.723	83.275.457.449
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai		
+ Phải thu khách hàng	168.825.310	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai		
+ Phải thu khách hàng	1.000.107.836	-
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai		
+ Phải thu khách hàng	309.300.000	-
Cộng nợ phải thu	124.746.150.741	84.195.957.449
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai		
+ Phải trả người bán	31.010.839.248	12.471.910.487
+ Người mua trả tiền trước	28.967.457.697	4.490.881.399
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai		
+ Phải trả người bán	168.364.138	788.870.017
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai		
+ Phải trả người bán	225.000.000	-
Cộng nợ phải trả	60.371.661.083	17.751.661.903

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất
- Lĩnh vực 2: Xây dựng

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Sản xuất	Xây dựng	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	151.733.835.840	17.699.851.450	169.433.687.290
- Chi phí phân bổ	150.617.036.346	17.552.418.111	168.169.454.457
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.116.799.494	147.433.339	1.264.232.833
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	710.409.756	82.869.764	793.279.520
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.315.526.045	853.360.910	8.168.886.955
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	164.953.152.479	19.241.893.404	184.195.045.883
- Tài sản không phân bổ			1.385.197.171
Tổng tài sản	164.953.152.479	19.241.893.404	185.580.243.054
- Nợ phải trả bộ phận	125.584.259.267	14.649.486.195	140.233.745.462
- Nợ phải trả không phân bổ			-
Tổng nợ phải trả	125.584.259.267	14.649.486.195	140.233.745.462

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỬ
 Khu phố Bè Tòng, Xã Đạo Tử, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.385.197.171	-	3.007.960.185	-	1.385.197.171	3.007.960.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.736.891.440	(2.049.588.717)	87.279.031.668	(2.002.603.947)	123.687.302.723	85.276.427.721
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.568.220.872	-	920.500.000	-	1.568.220.872	920.500.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	128.690.309.483	(2.049.588.717)	91.207.491.853	(2.002.603.947)	126.640.720.766	89.204.887.906

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	48.729.801.022	37.241.881.416	48.729.801.022	37.241.881.416
Vay và nợ	42.201.087.986	44.197.268.162	42.201.087.986	44.197.268.162
Chi phí phải trả	50.000.000	42.000.000	50.000.000	42.000.000
Các khoản phải trả khác	1.176.091.768	7.071.588.445	1.176.091.768	7.071.588.445
Cộng	92.156.980.776	88.552.738.023	92.156.980.776	88.552.738.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	48.729.801.022	-	-	48.729.801.022
Vay và nợ	42.201.087.986	-	-	42.201.087.986
Chi phí phải trả	50.000.000	-	-	50.000.000
Các khoản phải trả khác	1.176.091.768	-	-	1.176.091.768
Cộng	92.156.980.776	-	-	92.156.980.776
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	37.241.881.416	-	-	37.241.881.416
Vay và nợ	44.197.268.162	-	-	44.197.268.162
Chi phí phải trả	42.000.000	-	-	42.000.000
Các khoản phải trả khác	7.071.588.445	-	-	7.071.588.445
Cộng	88.552.738.023	-	-	88.552.738.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Đỗ Thị Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Phượng

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Cao Thắng